ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**VIỆT NAM VÀ KHU VỰC**

**CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

**1. Thông tin về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn Kim**

Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, PGS.TS

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lịch sử, Trường KHXH&NV, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04.8511669

Email: [nguyenvankimls@yahoo.com](mailto:nguyenvankimls@yahoo.com)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử Nhật Bản cận đại

• Lịch sử thương mại châu Á.

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Nguyễn Mạnh Dũng**

Chức danh, học hàm học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại Viện sử học

Việt Nam, số 38 Hàng chuối, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Viện sử học Việt Nam, 38 Hàng Chuối, Hà

Nội

Điện thoại: 0983212569

Email: [nguyenmanhdungncls@gmail.com](mailto:nguyenmanhdungncls@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử Việt Nam thời cận thế

• Sự hình thành, phát triển của công ty Đông Ấn Pháp tại Đông Nam Á

• Quá trình xâm nhập và ảnh hưởng của Pháp vào Việt Nam

**1.3. Thông tin về trợ giảng**

**1.3.1. Trợ giảng 1:**

Họ và tên: NCS. **Nguyễn Tiến Dũng**

Thời gian, địa điểm làm việc: thứ 2, thứ 5, khoa Văn hóa học, Trường

Đại học Văn hóa Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Văn hóa học, Đại học văn hóa Hà

Nội

Điện thoại: 0977191069

Email: [nguyentiendung85ls@gmail.com](mailto:nguyentiendung85ls@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử Việt Nam cận đại

• Lịch sử văn hóa Việt Nam

**1.3.2. Trợ giảng 2:**

Họ và tên: **Vũ Thị Xuyến**

Thời gian, địa điểm làm việc: Thứ 2, thứ 6, phòng 406 nhà A, Khoa Việt Nam học và tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, B7-Bis, Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hà Nội

Điện thoại: 0932.240.988;

Email: [xuyenvu52ls@gmail.com](mailto:xuyenvu52ls@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử thương mại Việt Nam thế kỷ XVI – XVIII

• Quan hệ kinh tế xã hội của Đàng Trong với các quốc gia khu vực và thế giới

• Lịch sử văn minh thế giới

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Việt Nam và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương**

• Mã môn học: VLC3057

• Số tín chỉ: 03

• Môn học: Bắt buộc

• Các môn học tiên quyết: Không

• Các môn học kế tiếp:

• Các yêu cầu khác đối với môn học: Không

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 giờ tín chỉ

- Nghe giảng lý thuyết: 42

- Làm bài tập trên lớp :

- Thảo luận: 3

- Tự học xác định:

• Địa chỉ Khoa phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, ĐHKHXH&NV, B7- Bis, Bách Khoa, Hà Nội.

**3. Mục tiêu của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Môn Việt Nam và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử, kinh tế, văn hóa của các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Quá trình giao lưu, tiếp xúc ảnh hưởng giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực. Những nét tương đồng và dị biệt trong đặc trưng chính trị, kinh tế, văn hóa của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Á. Vị thế của Việt Nam trong sự phát triển của khu vực hiện nay.

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học:**

**a. Về kiến thức**: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử, các thành tựu về kinh tế, chính trị và văn hoá của các nước Đông Bắc Á và các quốc gia Đông Nam Á.

- Vận dụng được phương pháp và những lý thuyết nghiên cứu cơ bản về nghiên cứu khu vực học và nghiên cứu liên ngành

**b. Về kỹ năng:**

- Rèn luyên kỹ năng đọc và phân tích tư liệu

- Sinh viên có khả năng thuyết trình một vấn đề lịch sử của khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, hoặc của từng quốc gia trong khu vực.

- Có khả năng làm việc theo nhóm.

- Có tư duy độc lập trong phân tích và vận dụng những kiến thức về lịch sử kinh tế- xã hội của các nước Đông Á vào các lĩnh vực chuyên môn của mình.

**c. Về thái độ:**

- Tạo cho sinh viên thái độ nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình đọc, tham khảo, xử lý tư liệu, tích cực tham gia vào các hoạt động thảo luận, seminar và trung thực trong kiểm tra, thi cử.

- Tạo cho sinh viên có nhận thức đúng và đánh giá khách quan về lịch sử của các quốc gia trong khu vực Đông Á; sự tác động qua lại của các quốc gia cũng như những tương đồng, dị biệt trong lịch sử phát triên của các quốc gia đó.

**3.3. Chuẩn đầu ra cụ thể của môn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** |
| **Chương 1**  Giới thiệu chung về môn học | I.A.1.Giới thiệu tổng quan, yêu cầu đối với môn học  I.A.2. Giới thiệu chung về khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á | I.B.1. Nắm được những yêu cầu chung của môn học.  I.B.2. Nắm được những đặc điểm chung về khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á |  |
| **Chương**  **2**    Giới thiệu tổng quan về các quốc gia Đông Bắc Á | II.A.1.Nêu được những điểm tương đồng và dị biệt về vị trí địa lý, ĐKTN của các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á  II.A.2. Nêu được nền tảng KTXH chính của các quốc gia Trung Quốc , Nhật Bản , Triều Tiên và VN. | II.B.1. Chứng minh được đặc điểm kinh tế-xã hội của mỗi quốc gia trong khu vực bị tác động bởi vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của các quốc gia đó. | II.C.1. Phân tích cơ sở về mặt ĐKTN đối với sự hình thành, phát triển về KT-XH của các quốc gia Đông Bắc Á  II.C.2. Trên cơ sở so sánh, phân tích những điểm tương đồng, dị biệt trong nền tảng KTXH của các quốc gia trong khu vực, người học có thể vận dụng, giải thích những vấn đề hiện đại. |
| **Chương**  **3**  Sự phát triển kinh tế-xã hội của Trung Quốc | III.A.1. Nêu được cơ sở hình thành nên văn minh Trung Hoa rực rỡ.  III.A.2. Nêu được sự ra đời, phát triển nối tiếp của các chế độ phong kiến Trung Hoa.  III.A.3. Nêu được những thành tựu kinh tế xã hội cơ bản của văn minh Trung Hoa. | III.B.1. Chỉ ra được v.trò của sông Trường Giang và Hoàng Hà đối với sự h.thành và ph.triển của văn minh Trung Hoa.  III.B.2.Chứng minh được v.minh Tr.Hoa có tác động lớn đối với sự ph.triển của các QG trong kh.vực ĐBÁ  III.B.3. Chỉ ra được bên cạnh việc tiếp thu các th.tựu của v.minh Tr.Hoa, các ĐBÁ cũng chủ động s.tạo nên những g.trị VH của riêng mình. | III.C.1. Phân tích những tác động của văn hoá Trung Hoa đối với Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên.  III.C.2. Phân tích những cách tiếp nhận khác nhau của Triều Tiên, Việt Nam, Nhật Bản đối với văn minh Trung Hoa. |
| **Chương**  **4**  Sự phát triển kinh tế- xã hội Nhật Bản | IV.A.1. Giới thiệu sự ra đời phát triển của các triều đại phong kiến Nhật Bản, các phong trào cải cách chính và những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản kiểu Nhật Bản.  IV.A.2. Nêu được những thành tựu kinh tế-xã hội cơ bản của Nhật Bản | IV.B.1. Chỉ ra những nền tảng để tạo nên những đặc trưng kinh tế xã hội của Nhật Bản: đạo Shinto, kinh tế lãnh địa, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản. | IV.C.1. Phân tích những yếu tố Tr.Hoa và phương Tây trong v.hoá NBản.  IV.C.2. Phân tích những nguyên nhân dẫn đến Nh.Bản có cách ứng xử đối với các vấn đề lịch sử khác với các QG ở khu vực và châu Á.  IV.C.2. Phân tích những thành công, thất bại của N.Bản trong cuộc cải cách Minh Trị |
| **Chương**  **5**  Sự phát triển kinh tế- xã hội Triều Tiên | V.A.1. Nêu được sự ra đời, phát triển của các triều đại Triều Tiên, mối quan hệ của Triều Tiên với Trung Quốc và Nhật Bản.  V.A.2. Nêu được những thành tựu kinh tế-xã hội Triều Tiên | V.B.1. Hiểu được sự phát triển của Triều Tiên chịu tác động rất lớn của yếu tố Trung Hoa và Nhật Bản  V.B.2. Hiểu được những đặc trưng kinh tế- xã hội của Triều Tiên | V.C.1. Phân tích sự tác động mạnh mẽ của yếu tố Trung Hoa và NB đối với sự phát triển KTXH Triều Tiên.  V.C.2. Phân tích sự tác động trở lại của Triều tiên đối với Nhật Bản  V.C.3. So sánh sự khác nhau trong cách ứng xử của Tr.Tiên đối với Tr.Hoa, so với các QG trong khu vực. |
| **Chương**  **6**  Sự phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam | VI.A.1. Nêu được sự phân kỳ trong Lịch sử Việt Nam: Các thời đại khảo cổ học, thời cổ đại, thời trung đại, thời cận đại và thời hiện đại. | VI.B.1. Hiểu được l.sử ph.triển KTXH của VN có quan hệ gần gũi với các QG trong khu vực ĐBÁ, đồng thời VN cũng có những đặc trưng của văn minh ĐNÁ.  VI.B.2. Có thể tìm thấy những đ.điểm chung về KTXH của VN, TQ, TT và NB như: Chế độ quân điền, Nho giáo, Phật giáo, h.thống quan lại. | VI.C.1 So sánh sự khác nhau về nền tảng kinh tế-xã hội giữa Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản.  VI.C.2 Phân tích thái độ ứng xử của Vịêt Nam đối với các triều đại Trung Hoa trong mối tương quan với Nhật Bản và Triều Tiên. |
| **Chương**  **7**  Đặc điểm lịch sử kinh tế xã hội các nước … | VII.A.1. Nhắc lại được những đặc điểm chung và riêng trong tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của các quốc gia Đông Bắc Á | VII.B.2. Phân tích được những nguyên nhân chính dẫn đến điểm tương đồng và dị biệt trong sự phát triển KT-VH của VN, TQ, NB và Triều Tiên | VII.C.1 Rút ra được những bài học kinh nghiệm từ cách ứng xử trước các vấn đề lịch sử của các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á |
| **Chương**  **8**  Đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa các nước Đông Nam Á | VIII.A.1. Nêu được những đặc điểm về tự nhiên, kinh tế, chính trị và đặc trưng văn hóa của các quốc gia Đông Nam Á  VIII.A.2. Nêu được những sự kiện chính trong tiến trình lịch sử của các quốc gia Đông Nam Á | VIII.B.1.Phân tích được mối quan hệ giữa những đặc điểm tự nhiên với đặc trưng kinh tế, chính trị, văn hóa của các quốc gia Đông Nam Á  VIII.B.2. Vị trí, vai trò, những mối liên hệ kinh tế, văn hóa của VN với các quốc gia Đông Nam Á | VIII.C.1. Phân tích vị trí của khu vực Đông Nam Á trong sự phát triển của khu vực và thế giới  VIII.C.2. Phân tích những lần hội nhập của khu vực Đông Nam Á với thế giới. |
| **Chương**  **9**  Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức Asean | IX.A.1. Nêu được những mốc chính về q.trình h.thành & ph.triển của t.chức ASEAN  IX.A.2. Trình bày được v.trò, những th.tựu chính của tổ chức Asean  IX.A.3. Nêu được những k.quả chính trong mối quan hệ VN - Asean | IX.B.1. Phân tích được vị trí, vai trò của Asean đối với sự phát triển của Đông Nam Á và mỗi quan hệ của Asean với tổ chức khác trong khu vực và thế giới | IX.C.1. Phân tích được mối quan hệ của Việt Nam – Asean  IX.C.2. Phân tích được vai trò của Asean trong việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực |

**4. Tóm tắt nội dung môn học**:

Môn học được chia thành 2 phần chính: những đặc tính kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của các quốc gia Đông Bắc Á và đặc tính kinh tế, chính trị, văn hóa của khu vực Đông Nam Á. Tại mỗi khu vực, nội dung chủ yếu là tìm hiểu quá trình phát triển, những thành tựu văn hóa, văn minh của mỗi quốc gia trong tiến trình lịch sử chung của các khu vực. Những mối liên hệ, giao lưu văn hóa và ảnh hưởng qua lại của 2 khu vực và vị thế của mỗi khu vực hiện nay trong sự phát triển chung của Châu Á.

**5. Nội dung chi tiết môn học:**

**5.1. Chương 1: Giới thiệu về môn học**

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học

2. Phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử kinh tế xã hội các nước trong khu vực Đông Á

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu khu vực Đông Á

3. Cấu trúc, nội dung của môn học

**5. 2. Chương 2: Giới thiệu tổng quan về các quốc gia Đông Bắc Á.**

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Trung Hoa

1.2. Nhật Bản

1.3. Triều Tiên

1.4. Việt Nam

2. Nền tảng kinh tế-xã hội.

2.1. Trung Quốc

2.2. Nhật Bản

2.3. Triều Tiên

2.4. Việt Nam

3. Khái lược lịch sử các quốc gia Đông Bắc Á

4. Những đặc điểm chung

5. Những điểm dị biệt

**5.3. Chương 3: Sự phát triển kinh tế-xã hội của Trung Quốc.**

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình lịch sử

3. Thành tựu kinh tế-xã hội, văn hóa cơ bản

3.1. Thể chế chính trị

3.2. Đặc trưng kinh tế

3.3.Tôn giáo/tín ngưỡng

3.4. Triết học

3.5. Văn học

3.6. Khoa học tự nhiên

4. Ảnh hưởng của Trung Hoa tới các quốc gia trong khu vực

4.1. Nhật Bản

4.2. Triều Tiên

4.3. Việt Nam

**5.4. Chương 4: Sự phát triển kinh tế- xã hội Nhật Bản.**

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình lịch sử

3. Thành tựu kinh tế- xã hội, văn hóa cơ bản

3.1. Thể chế chính trị

3.2. Đặc trưng kinh tế

3.3. Tôn giáo, tín ngưỡng

3.4. Triết học

3.5. Khoa học tự nhiên

4. Thái độ ứng xử của Nhật Bản đối với Trung Hoa và Phương Tây

4.1. Với Trung Hoa

4.2. Với phương Tây

**5.5. Chương 5: Sự phát triển kinh tế- xã hội Triều Tiên**

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình lịch sử

3. Thành tựu kinh tế- xã hội, văn hóa cơ bản

3.1. Thể chế chính trị

3.2. Trình độ phát triển kinh tế

3.3. Tôn giáo, tín ngưỡng

3.4. Triết học

3.5. Khoa học tự nhiên

4. Thái độ ứng xử của Triều Tiên với Trung Hoa và Nhật Bản

4.1. Với Trung Hoa

4.2. Với Nhật Bản

**5.6. Chương 6: Sự phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam**

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình lịch sử

3. Thành tựu kinh tế- xã hội, văn hóa cơ bản

3.1. Thể chế chính trị

3.2. Đặc trưng kinh tế

3.3. Tôn giáo, tín ngưỡng

3.4. Khoa học tự nhiên

4. Việt Nam trong mối quan hệ với Trung Hoa và phương Tây

4.1. Với Trung Hoa

4.2. Với phương Tây

**5.7. Chương 7: Đặc điểm lịch sử kinh tế xã hội các nước Đông Bắc Á.**

1. Đặc điểm chung:

2. Đặc điểm riêng:

3. Nguyên nhân của sự khác biệt.

**5.8. Chương 8: Đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa**

**khu vực Đông Nam Á**

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình lịch sử của khu vực Đông Nam Á.

3. Đặc trưng chính trị của các quốc gia Đông Nam Á.

4. Đặc trưng kinh tế Đông Nam Á.

5. Đặc trưng văn hóa, xã hội Đông Nam Á.

6. Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á.

**5.9. Chương 9: Quá trình ra đời và phát triển**

**của tổ chức kinh tế - xã hội ASEAN**

1. Quá trình ra đời của tổ chức Asean.

2. Những thành tựu chính của Asean.

3. Mối quan hệ Việt Nam – Asean.

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

1. Lương Ninh (cb), Lịch sử thế giới cổ đại, Nxb Giáo dục, H, 2001.

2. Nguyễn Gia Phu (cb), Lịch sử thế giới trung đại, Nxb Giáo dục, H, 2001.

3. Nguyễn Văn Hồng (cb), Lịch sử thế giới cận đại, Nxb Giáo dục, H, 2001.

4. Nguyễn Anh Thái (cb), Lịch sử thế giới hiện đại, Nxb Giáo dục, H. 2002

5. Vũ Dương Ninh (cb), Lịch sử văn minh thế giới, Nxb Giáo dục, H, 2002

**6.2. Học liệu tham khảo:**

6. Nhiều tác giả, Việt Nam trong hệ thống thương mại biển Đông thế kỉ XVI-XVIII (Hội thảo), Nxb Thế giới, H, 2007.

7. Will Durant: Lịch sử văn minh Trung Quốc, Nxb Văn hoá-Thông tin, H, 2000.

8. Lâm Hán Đạt, Tào Dư Chương, Lịch sử Trung Quốc 5000 năm, 3 tập, Nxb Văn hoá-Thông Tin, H, 1998.

9. Nguyễn Quốc Hùng (cb), Lịch sử Nhật Bản, Nxb Thế giới, H, 2007

10. George Sansom, Lịch sử Nhật Bản, 3 tập, Nxb Khoa học Xã hội, H, 1994.

11. Phan Hải Linh, Lịch sử trang viên Nhật Bản (thế kỷ VIII-XVI), Nxb Thế giới, H, 2003.

12. Nguyễn Văn Kim, Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa, nguyên nhân và hệ quả, Nxb Thế giới, H, 2000.

13. Nguyễn Văn Kim, Nhật Bản với châu Á, những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế xã hội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2003.

14. Quan hệ Việt Nam-Nhật Bản (những vấn đề lịch sử và hiện đại), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2003.

15. Michio Morishima, Tại sao Nhật bản thành công, công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản, Nxb Khoa học Xã Hội, H, 1991.

16. Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Hàn Quốc lịch sử-văn hoá, Nxb Văn hoá, H,1996.

17. Hàn Quốc Lịch sử và văn hoá, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 1995

18. Nguyễn Quang Ngọc, Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, H,2001.

19. Đông Á- Đông Nam Á, Những vấn đề lịch sử và hiện tại, Nxb Thế giới, H, 2004.

20. Vũ Dương Ninh (cb), Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX, Nxb Đại học Quốc gia, H, 2007.

21. Vũ Dương Ninh (cb), Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập 1, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2001.

22. Vũ Dương Ninh , Nguyễn Văn Kim (cb), Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập 2, Nxb Thế giới, H, 2007.

23. Phương Đông hợp tác và phát triển (Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Đông phương học Việt Nam lần thứ hai), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2003.

24. Robert Elegant, Vận mệnh Thái Bình Dương nội cảnh Châu Á ngày nay, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 1994.

25. Said W. Edward, Đông phương học, Phạm Xuân Ri, Trần Văn Tửu dịch, Nxb CTQG, 1998.

26. Edward W. Said, Đông phương học, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 1998.

27. Samuel Huntington, Sự va chạm của các nền văn minh, Nguyễn Phương Sửu, Nguyễn Văn Hạnh (dịch), Nxb Lao động, 2003

28. Nguyễn Văn Kim: Người Việt với Biển, Nxb. Thế Giới, H. 2011.

29. Nguyễn Văn Kim, Việt Nam trong khu vực Đông Á một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học. Nxb. Chính trị Quốc gia. H.2012.

**7. Lịch trình dạy học cụ thể:**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học môn học** | | | | | **Tổng** |
| **Lên lớp** | | | Thực hành, điền dã | Tự học xác định |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 1 | Chương1 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 2 | Chương 2 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 3 | Chương 2 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 4 | Chương 3 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 5 | Chương 3 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 6 | Chương 4 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 7 | Chương 4 | 2 |  | 1 |  |  | 3 |
| Tuần 8 | Chương 5 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 9 | Thi giữa kỳ | 2 |  |  |  |  | 2 |
| Tuần 10 | Chương 6 | 3 |  | 1 |  |  | 4 |
| Tuần 11 | Chương 7 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 12 | Chương 8 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 13 | Chương 8 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 14 | Chương 8 | 2 |  | 1 |  |  | 3 |
| Tuần 15 | Chương 9 | 3 |  |  |  |  | 3 |
|  | **Tổng số giờ tín chỉ** | **42** |  | **3** | **0** | **0** | **45** |
|  | **Tổng số giờ trên lớp** | **42** |  | **3** | **0** | **0** | **45** |

**7.2. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:**

Môn học được dạy trong 15 tuần, mỗi tuần học 3 giờ tín chỉ trên giảng đường. Lịch trình tổ chức môn học cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,**  **tổ chức**  **dạy học** | **Thời gian, địa điểm** | **Nội dung**  **chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ trên lớp | **Chương 1** | - Hướng dẫn sinh viên tải Đề cương môn học từ trang web của Trường.  - Giới thiệu các học liệu bắt buộc và tham khảo của môn học. |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết  Tự học | 3 giờ  trên lớp  ở nhà | **Chương 2**  Những điểm tương đồng và dị biệt của văn hóa Đông Bắc Á | - Đọc Q.1 (tr.119-121)  - Đọc Q.9 (tr.11-15)  - Đọc Q. 17 (tr. 9-12)  - Đọc Q. 5 (tr 100-105)  - Đọc: Q.9, Q.19, Q.20, Q.22 |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 2**  Quan hệ của các nước trong khu vực với Trung Hoa (tiếp thu những giá trị văn minh Trung Hoa) | - Đọc: Những tương đồng dị biệt về văn hoá giữa Đông Á, Việt Nam và các nước Đông Á khác” in trong Q.19 (tr.31-38).  - Đọc “Giao lưu văn hoá Trung Quốc, Nhật Bản, Korea, Việt Nam trong tiến trình lịch sử” in trong Q. 22 (tr. 89-99)  - Đọc Q. 9, tr. 129-132  - Đọc “Đông Á trước những biến chuyển của thế giới và nguy cơ xâm thực của Chủ nghĩa Tư bản phương Tây” in trong Q.20, tr. 1-50 |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập | 3 giờ trên lớp | **Chương 3**  Về thành tựu kinh tế-xã hội cơ bản của TQ: thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế, triết học, văn học, Khoa học tự nhiên… | - Đọc Q.5, tr. 100-150.  - Đọc Q.2, tr 183-230.  - Đọc Q.7  - Đọc Q.2, tr 238-269; Q.8 |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ trên lớp | **Chương 3**  Những ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa tới các quốc gia trong khu vực | - Đọc Q.7; Q.2; Q.  - Đọc Q.7; Q.5; Q.19 |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ trên lớp | **Chương 4:**  1. Điều kiện tự nhiên  2. Tiến trình lịch sử  3. Thành tựu kinh tế- xã hội cơ bản | - Đọc Q.9.  - Đọc Q.10: tập 1, 2.  - Đọc Q.10; Q.11; Q.12 Q.15. |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết  Thảo luận nhóm | 3 giờ  trên lớp  1 giờ trên lớp | **Chương 4:**  - Phân tích những điều kiện tự nhiên- xã hội để Nhật Bản phát triển kinh tế trang viên.  - Phân tích nguyên nhân NB kháng chiến chống Mông - Nguyên thành công (so sánh với Việt Nam) và Cải cách Minh Trị | - Đọc Q.15, Q. 11,  Q.6 (tr.324-358).  - Đọc “Làng Nhật Bản thời trung thế qua tư liệu trang viên” trong Q.19 (tr133-145). Q.13 (tr. 479-507).  - Đọc “Minh trị duy tân - Cải cách hay cách mạng” trong Q. 14 tr. 217-229. |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| Lý thuyết    Bài tập | 3 giờ  trên lớp | **Chương 5**  Mối quan hệ giữa Triều Tiên và Trung Quốc, Nhật Bản | - Đọc Q.2.tr 284-286.  - Đọc Q.16, tr. 11-62;  Q.17 tr. 235-287  - Đọc “Ảnh hưởng của NB trên bán đảo Hàn Quốc trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX” trong Q. 14 (tr.25-37); Lịch sử, văn hóa TQ, Lịch sử NB |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Kiểm tra  giữa kì | 2 giờ trên lớp |  | Sinh viên ôn tập những vấn đề đã học của nửa học kỳ đầu |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết  Thảo luận nhóm | 3 giờ  trên lớp  1h trên lớp | **Chương 6**  ND thảo luận:  - Sự phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam giống và khác nhau với các quốc gia ĐBÁ như thế nào?  Gợi ý: Tập trung vào các vấn đề chính sau: Tiến trình lịch sử, thể chế chính trị, ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa và phương Tây, nền tảng kinh tế chính… | Đọc “Công cuộc Minh trị duy tân ở NB với các sĩ phu VN và dòng giáo dục yêu nước do họ lãnh đạo” trong Q. 14, tr. 79-89  2. Đọc “Văn hoá-văn minh: so sánh giữa VN và NB” trong Q. 14, tr.144-149.  3. Đọc “Tiếp xúc với chữ Hán ở VN và NB: Những nét tương đồng và dị biệt” trong Q. 14, tr. 248-260 |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết    Bài tập | 3 giờ  trên lớp | **Chương 7**  - Đặc điểm chung:  - Đặc điểm riêng:  - Nguyên nhân của sự khác biệt  - Phân tích thái độ của các nước Đông Bắc Á trước nguy cơ xâm lược của phương Tây |  |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 8**  Đặc điểm vị trí địa lý, tự nhiên và những tác động của môi trường tự nhiên tới đặc trưng kinh tế, văn hóa Đông Nam Á | Đọc Q.2; Q.3; Q.4 |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập | 3 giờ trên lớp | **Chương 8**  Những thành tựu của văn minh Đông Nam Á và mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Nam Á | Đọc Q.15; Q.19; Q.21 |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết  Thảo luận nhóm | 2 giờ  trên lớp  1 giờ trên lớp | **Chương 8**  Văn hóa ĐNÁ | Đọc Q.15,  Đọc Q.19,  Đọc Q.21 |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 9**  Quá trình ra đời, hình thành và phát triển của tổ chức Asean | Đọc Q.19, |  |

**8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên**

8.1. Tham dự môn học này, sinh viên cần phải tích lũy kiến thức từ 3 nguồn:

- Thuyết trình của giảng viên trên giảng đường

- Đọc đề cương môn học, bài giảng của giáo viên (được phát trước cho sinh viên) và tài liệu tham khảo

- Thảo luận trên lớp.

- Ngoài ra sinh viên phải đọc nhiều học liệu khác nhau (bao gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí, thông tin trên mạng internet) để tích lũy lượng kiến thức cần thiết theo yêu cầu của môn học. Trong mỗi học kỳ, giảng viên có thể điều chỉnh một số tài liệu trong danh mục học liệu cho phù hợp với thực tiễn phát triển của ngành học.

8.2. Sinh viên phải tham dự đầy đủ và nghe tất cả các bài thuyết trình, đọc kỹ tài liệu tham khảo, chuẩn bị tốt các bài tập được giao, tích cực tham gia thảo luận trên lớp.

- Mỗi sinh viên phảit tham dự ít nhất là 80% tổng số giờ tín chỉ (theo quy định của nhà Trường). Sinh viên nào nghỉ học quá số giờ quy định sẽ không được tham gia thi hết môn và phải học lại theo quy định của Nhà trường. Những sinh viên bị khuyết tật dưới bất kỳ hình thức nào cần báo cho giáo viên và các phòng ban chức năng của Nhà trường để có hình thức cân nhắc phù hợp.

- Ngoài giờ học, sinh viên có thể gặp giảng viên để trao đổi hay hỏi thêm về các nội dung liên quan đến môn học theo địa chỉ hoặc số điện thoại đã đề cập ở mục Thông tin về giảng viên để hẹn lịch gặp.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học**

**9.1. Kiểm tra- đánh giá thường xuyên:** trên lớp

**9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Đánh giá thường xuyên trên lớp (phát biểu, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận) | - Tính tích cực học tập của sinh viên  - Điểm danh  - Năng lực tổng hợp, phân tích tài liệu và trình bày vấn đề | - Trách nhiệm đối với môn học của sinh viên  - Chuẩn bị bài, đọc sách  - Có được thông tin phản hồi từ sinh viên để điều chỉnh cách dạy và học phù hợp  - Đánh giá kĩ năng hợp tác, trách nhiệm với công việc của nhóm | 10% |
| Bài kiểm tra  giữa kỳ | Năng lực khái quát kiến thức của sinh viên | Đánh giá tổng hợp kiến thức và kỹ năng thu được sau nửa học kỳ | 30% |
| Bài kiểm tra  cuối kỳ | Năng lực phân tích, so sánh, đưa ra nhận định cá nhân của sinh viên | Đánh giá trên 3 mức: trình bày, chứng minh, phân tích, so sánh của sinh viên | 60% |

**9.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập:**

**9.3.1. Bài tập cá nhân**: Loạibài tập này dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự tìm hiểu, tự học của sinh viên về một nội dung cụ thể của môn học**.** Tiêu chí đánh giá

**+ Về nội dung**:

1. Xác định được vấn đề nghiên cứu

2. Thể hiện được khả năng phân tích, khái quát và đưa ra ý kiến cá nhân của sinh viên

3. Cách thức đọc, xử lý, trích dẫn tài liệu tham khảo

**+ Về hình thức:**

4. Bài viết được đánh máy, ngôn ngữ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lí.

**• Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí:**

**- Điểm 9-10:** Đạt cả 4 tiêu chí

**- Điểm 7-8:** Đạt 2 tiêu chí đầu; tiêu chí 3: có sử dụng các tài liệu, song chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa có bình luận; tiêu chí 4: còn mắc vài lỗi nhỏ.

**- Điểm 5-6:** Đạt tiêu chí 1; tiêu chí 2: chưa thể hiện rõ tư duy phê phán, các kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá còn kém; tiêu chí 3, 4: còn mắc một vài lỗi nhỏ

**- Điểm < 5:** Không đạt cả 4 tiêu chí.

**9.3.2. Bài tập thuyết trình theo nhóm:**

- Đánh giá năng lực và trách nhiệm làm việc nhóm của sinh viên

- Khả năng trình bày một vấn đề khoa học

- Tiêu chí đánh giá:

+ Nội dung phù hợp với chủ đề thảo luận

+ Có dẫn chứng chứng minh rõ rang

+ Thuyết trình rõ ràng, ngắn gọn, nêu bật được nội dung chính của đề tài

**9.4. Cấu trúc đề thi đánh giá cuối kỳ:**

- Đề thi tự luận theo quy định của Trường và Bộ môn.

**9.5. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

*(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)*